

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **220/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 11 tháng 5 năm 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Minh H**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T.

(Có mặt chị P, vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim P trình bày: Chị và anh Lê Văn Minh H chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh T vào ngày 21/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H chỉ lo rượu bia, cờ bạc, không lo làm ăn và không lo phụ giúp gia đình dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Minh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 03/4/2009 và Lê Ngọc Thúy K, sinh ngày 26/3/2018. Chị P yêu cầu được nuôi hai con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa:

Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P; giao cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 03/4/2009 và Lê Ngọc Thúy K, sinh ngày 26/3/2018 cho chị P nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của các cháu, anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H từ chối nhận và vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Lê Văn Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do và không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị P trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh H và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 03/4/2009 và Lê Ngọc Thúy K, sinh ngày 26/3/2018. Chị P yêu cầu được nuôi hai con. Xét thấy, hai con đang sống với chị P, cháu T có nguyện vọng được sống với chị P, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý của các cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai con cho chị Phương nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị P yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Xét thấy, chị P có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên và mức cấp dưỡng chị P yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của chị P được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 83, Điều 110 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Lê Văn Minh H;

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 03/4/2009 và Lê Ngọc Thúy K, sinh ngày 26/3/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim P nuôi dưỡng, anh Lê Văn Minh H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, chị P có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh H chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Lê Văn Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004594 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh Lê Văn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã X, h. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni

